TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST Ngày 01/8/2017 V/v: Ly hôn , tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạc Duy Phu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tin

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn;

- ***Đại diện Viện kiểm sát huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số 71/2017/TLST - HNGĐ ngày 10/3/2017 về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/7/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2017/ QĐST - HNGĐ ngày 20/7/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988

ĐKHKTT: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 2 năm 2017 và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bầy:

Chị và anh Q đăng ký kết hôn ngày 26/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo

phong tục tập quán tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng về ở chung với gia đình anh Q tại thôn X, xã T. Vợ chồng chung sống được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q không chịu làm ăn, mải chơi thâu đêm suốt sáng không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị L đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi tính cách vẫn tiếp tục chơi bời với bạn bè xấu. Từ khi lấy nhau, anh chị thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần, nhưng cũng vì thương con chị lại quay về đoàn tụ với anh Q để con cái có chỗ dựa sau này. Lần cuối cùng, chị bỏ về bố mẹ đẻ ở từ tháng 07/2016. Hai người sống ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chi được ly hôn với anh Q.

Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Thị C, sinh ngày 08/4/2008 và Trần Khôi N, sinh ngày 20/4/2014. Hiện nay, hai con đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi hai con chung, tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên, chị xác định không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng, chị xác định vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Kinh Môn 350.000.00 đồng và Quỹ nước sạch của Ngân hàng chính sách Việt Nam chi nhánh huyện Kinh Môn 8.000.000 đồng. Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính sách, chị đã trả xong (Chị L đã nộp các hóa đơn chứng minh việc trả nợ). Đối với khoản nợ của Ngân hàng nông Nghiệp chi nhánh huyện Kinh Môn, chị thừa nhận có ký vào phần người vay trong Hợp đồng tín dụng nhưng anh Q là người nhận tiền, mục đích vay để cho anh Q trả nợ riêng, chị không đồng ý xác định khoản nợ này là nợ chung. Ngoài ra, chị và anh Q không còn khoản nợ chung nào khác.

Anh Q vắng mặt tại địa phương nên không lấy được lời khai của anh Q.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/6/2017, bà Trần Thị V(mẹ đẻ anh Q) khai: Anh Q, chị L kết hôn năm 2006. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận, hạnh phúc. Gần đây, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q mải chơi, phá tán tài sản gia đình, dẫn đến nợ nần. Hiện nay, hai anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh Q đã bỏ đi làm ăn xa hơn một tháng, địa chỉ cụ thể bà không nắm được. Khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án lần nào, bà có thông báo cho anh Q được biết lần đó. Quan điểm của anh Q nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị L. Về con chung, anh Q có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Thị C. Các vấn đề khác anh không đề nghị gì. Theo bà có giải quyết cho anh Q và chị L ly hôn không là do Tòa án quyết định dựa trên tình hình thực tế và nguyện vọng của các bên. Về việc nuôi con chung, bà nhất trí với quan điểm của anh Q.Về tài sản chung của anh chị, bà không nắm được. Về nợ chung, bà cho rằng anh Q chị L còn 02 khoản nợ: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện Kinh Môn 350.000.000 đồng, nợ Quỹ nước sạch nông thôn thuộc Ngân hàng chính sách Việt Nam, chi nhánh huyện Kinh Môn 8.000.000 đồng. Ngoài ra, anh Q, chị L còn nợ ai không, bà không nắm được.

Tại công văn không số ngày 14/6/2017, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Kinh Môn phúc đáp Công văn số 01/2017/CV - TA ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn có quan điểm nếu khoản nợ của chị L, anh Q có tranh chấp, ngân hàng không đồng ý việc phân chia nghĩa vụ trả nợ và chia tài sản chung đang thế chấp tại ngân hàng. Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu độc lập đối với khoản nợ trên.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/6/2017, bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ chị L) khai thống nhất với lời khai của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, bà cho rằng anh Q không chỉ mâu thuẫn với vợ, không tôn trọng vợ mà còn mâu thuẫn, không tôn trọng gia đình nhà vợ, thiếu trách nhiệm với gia đình. Nay, chị L xin ly hôn với anh Q bà không có ý kiến gì.

Về con chung, bà cho rằng chị L và anh Q có hai con như chị L trình bầy là chính xác. Hiện nay, hai con chung đang ở chị L. Nếu vợ chồng phải ly hôn việc giao con cho ai nuôi do Tòa án quyết định. Tuy nhiên, theo bà giao cả hai con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp nhất. Vì chị L nuôi con từ nhỏ, công việc của chị L tương đối ổn định, làm việc tại nhà, thu nhập khoảng 7 - 8 triệu đồng/01 tháng, có nhiều thời gian chăm sóc con cái. Cả hai cháu đều học gần nhà thuận lợi cho việc đi lại. Nếu giao cả hai con cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, bà hứa sẽ hỗ trợ chị L trong việc nuôi dạy nuôi dưỡng hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng đối với gia đình hai bên. Bà xác định anh Q và chị L không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có xuất trình cho Tòa án một số nội dung tin nhắn của anh Q, của bà V (mẹ đẻ anh Q), của em gái anh Q gửi cho chị L để chứng minh về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng và xác nhận của chính quyền địa phương về mức thu nhập của chị.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã trình bầy ở trên. Chủ tọa công bố lời khai của người làm chứng và một số tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Chị L hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến:

- Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của Pháp luật. Còn bị đơn không chấp hành quy định có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án được quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Văn Q; Giao 02 con chung Trần Thị C, Trần Khôi N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, không đặt ra giải quyết**.** Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn đối trừ với số tiền chị L nộp tạm ứng án phí, chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án không có yếu tố nước ngoài. Anh Trần Văn Q cư trú tại thôn X, xã Thái T, huyện K, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền

Anh Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về khoản nợ của chị L, anh Q đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Kinh Môn, Ngân hàng không yêu cầu phân chia khoản nợ, không khởi kiện yêu cầu độc lập, không làm phát sinh quyền lợi của Ngân hàng, nên Hội đồng xét xử không xác định Ngân hàng là người có quyền lợi liên quan trong vụ án, giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng khởi kiện chị L, anh Q ở vụ án dân sự khác, khi Ngân hàng có yêu cầu.

[2] Về hôn nhân: Chị L, anh Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/08/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện K phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Chị L và mẹ chị L, mẹ đẻ anh Q đều xác nhận quan hệ vợ chồng chị L, anh Q đã phát sinh mâu thuẫn không thể dàn xếp được. Anh, chị đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q đến Tòa án để hòa giải, nhưng anh Q vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh Quý không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng; Mặt khác, chị L xuất trình một số tin nhắn của anh Q có nội dung xúc phạm chị L và một số tin nhắn của mẹ đẻ anh Q, em gái anh Q chia sẻ với chị L trong việc chị và anh Q mâu thuẫn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Q là phù hợp pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Nguyện vọng nuôi con của chị L, anh Q hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, xét đề nghị của chị L và anh Q thì thấy rằng: Chị L hiện nay đang ở với bố mẹ đẻ và có cửa hàng tại thôn D, xã P, huyện Kinh Môn, điều kiện chỗ ăn ở tương đối rộng rãi. Mẹ đẻ của chị L cũng có quan điểm sẽ hỗ trợ chị L trong việc nuôi dạy hai con chung, nếu chị Loan được giao nuôi con, thu nhập của chị L tương đối ổn định từ 8.000.000 đồng - 15.000.000 đồng/ 01 tháng. Anh Q có

nguyện vọng được nuôi con nhưng lại không có mặt tại địa phương, không chứng minh được điều kiện kinh tế của mình hơn hẳn chị L để Tòa án có căn cứ xem xét giao con. Mặt khác, hai con chung được chị L nuôi dưỡng từ nhỏ, đang học tập gần nhà. Bản thân cháu C có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ vào nguyện vọng của con chung và điều kiện mọi mặt của các đương sự, việc giao 02 con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

[5] Về nợ chung**:**

Đối với khoản nợ của Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện Kinh Môn, Ngân hàng không có yêu cầu, nên không xét.

Đối với khoản nợ Qũy nước sạch thuộc Ngân hàng chính sách Việt Nam chi nhánh huyện Kinh Môn, Chị L đã trả xong, xác định là khoản nợ chung vợ chồng. Tuy nhiên, chị Loan không có yêu cầu anh Quý phải hoàn trả chị ½ số tiền chị đã trả Ngân hàng chính sách nên không xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí, chị đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

[7] Quyền kháng cáo: Chị L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình,

Căn cứ vào Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Trần Thị C, sinh ngày 08/4/2008 và Trần Khôi N, sinh ngày 20/4/2014 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị L tự

nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung**:** không xét.

4.Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0001476 ngày 07 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo**:** Chị L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn,
- Chi cục Thi hành án huyện Kinh Môn (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Thái Thịnh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- L- u VT, hồ sơ vụ án,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Mạc Duy Phu